

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 12 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đình Phùng
2. Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thu T, sinh năm 1995; cư trú tại: Tổ 4 N2, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn là chị Huỳnh Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Đoàn Văn T1 từ năm 2016 đến ngày 28/4/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 16). Đầu tháng 6 năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T1 lười lao động, theo bạn bè chơi bời, nghiện ma túy đá, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Mâu thuẫn đã

được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do anh T1 không cho chị mang con đi, nên chị để con lại cho anh T1 nuôi dưỡng rồi về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 7 năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đoàn Diễm M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 đang ở với anh T1. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 31 tháng 10 năm 2017 anh T1 trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6 năm 2017 do quan điểm sống không phù hợp, nghi ngờ nhau không chung thủy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 7 năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, nên anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đoàn Diễm M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi; yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1 tháng..

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thu T được ly hôn anh Đoàn Văn T1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Diễm M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu T xin ly hôn anh Đoàn Văn T1. Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Huỳnh Thu T và anh Đoàn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, anh T1 lười lao động, theo bạn bè chơi bời, nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hôn nhân trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay

không quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Trang có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T1 xin đoàn tụ.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Đoàn Diễm M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 đang ở với anh T. Xét yêu cầu của chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu M mới được hơn 07 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, mặt khác chị T có chỗ ở ổn định, làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng 5 triệu đồng. Như vậy chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu M. Đối với anh T1, không có việc làm, không có thu nhập, nghiện ma túy. Do đó không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Vì vậy cần giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng; anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc cháu M là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không có cơ sở chấp nhận nguyện vọng của anh T1 được nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51,56,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu T được ly hôn anh Đoàn Văn T1.
2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Diễm M, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2017 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

300.000 đồng theo biên lai số 0006128 ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu